

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13- 02- 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 524/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1966

- *Bị đơn:* Ông Trần Phi H1, sinh năm 1959

Các đương sự cùng cư trú tại: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Trần Phi H1 tổ chức đám cưới vào ngày 10/02/1986, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn ông bà sống tại ấp NC, xã NC. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được. Nay bà H yêu cầu được ly hôn ông H1.

- Về con chung: Có ba người con chung tên Trần Thanh M, sinh năm 1988, Trần Bảo A, sinh năm 1990 và Trần Thị Diễm H, sinh năm 1992 hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

*** Bị đơn ông Trần Phi H1:** Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị H và ông Trần Phi H1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trương Thị H xác định kết hôn với ông Trần Phi H1 vào ngày 10/02/1986, hôn nhân tự nguyện, quá trình chung sống cho đến nay không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội quy định thì bà H và ông H1 được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nguyên nhân ly hôn bà H cho rằng do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H1 theo quy định, ông H1 đã biết việc bà H khởi kiện xin ly hôn nhưng ông không có ý kiến hay yêu cầu cũng như phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa ông H1 và bà H đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy các con chung của bà H và ông H1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông H1 tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét tài sản chung.

[5] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, cho bà Trương Thị H được ly hôn ông Trần Phi H1.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0010003 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà Trương Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung